

Bản án số: 31/2025/DS-ST
Ngày 09-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị M.
2. Bà Châu Thị L.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc D – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ).

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Hương L - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1208/2024/DS-ST ngày 30/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2025/QĐXXST-DS ngày 20/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 236/2025/QĐST-DS ngày 18/6/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH M.

Địa chỉ: Số xx đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số xxx đường Phan Xích Long, phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh (Phường x, quận Phú Nhuận cũ).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thùy D (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số xxx (Số cũ xx) đường Nguyễn Thượng Hiền, phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh (Phường, quận G cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2024 của nguyên đơn Công ty TNHH M và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Ngày 18/01/2012 bà Lê Thị Thu T và Công ty TNHH MTV Tài chính P Việt Nam có ký Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10380146, theo đó bà T vay tín dụng của Công ty P số tiền 17.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 3.08%/tháng, lãi phạt bằng 150% của lãi suất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Bị đơn đã thanh toán 25.601.695 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 11.492.943 đồng; Nợ lãi trong hạn là 9.005.457 đồng và Nợ lãi quá hạn là 5.103.295 đồng. Đến ngày 01/4/2014 thì Bị đơn ngừng thanh toán và toàn bộ dư nợ được chuyển sang dư nợ quá hạn. Từ thời điểm Bị đơn ngừng thanh toán và cả sau khi khoản nợ của Bị đơn đã được chuyển nhượng sang VID, mặc dù VID đã thông báo, đôn đốc, yêu cầu Bị đơn trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo cam kết đã ký tại Hợp đồng tín dụng, nhưng đến thời điểm hiện nay Bị đơn thể hiện việc thiếu hợp tác trong quá trình làm việc, chậm trả nợ và trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ.

Ngày 09/9/2022 Công ty TNHH MTV Tài chính P Việt Nam ký Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922 với Công ty TNHH M, theo đó Công ty P bán toàn bộ số nợ trên cho Công ty M.

Nay Công ty TNHH M yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Lê Thị Thu T phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Công ty TNHH M tổng số tiền là 33.987.998 đồng; trong đó nợ gốc là 5.507.057 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.526.556 đồng, nợ lãi quá hạn: 26.954.385 đồng tính đến ngày 09/7/2025. Kể từ ngày 10/7/2025, bà Lê Thị Thu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Đồng thời người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm, thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật; tuy nhiên bà Lê Thị Thu T vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày cũng như yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: Đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1, Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị Thu T phải trả cho Công ty TNHH M số tiền nợ gốc và lãi vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/7/2025 tổng cộng là 33.987.998 đồng. Ngoài ra bà Lê Thị Thu T còn phải chịu tiền lãi phát sinh và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Công ty TNHH M khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với bà Lê Thị Thu T, địa chỉ số xxx (Số cũ xx) đường Nguyễn Thượng Hiền, phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh (Phường x, quận G cũ). Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Lê Thị Thu T đã được Tòa án nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1, khoản 2, Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Lê Thị Thu T vắng mặt không lý do. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Căn cứ quy định Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Thu T và đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn.

[3]. Ngày 09/9/2022 Công ty TNHH MTV Tài chính P Việt Nam ký Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922 với Công ty TNHH M, theo đó Công ty P bán toàn bộ số nợ trên cho Công ty M. Do đó Công ty TNHH M khởi kiện bà Lê Thị Thu T là đúng tư cách người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

[4]. Về yêu cầu của các đương sự: Đối với yêu cầu của Công ty TNHH M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Về số nợ gốc phải trả: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng ngày 18/01/2012 bà Lê Thị Thu T và Công ty TNHH MTV Tài chính P Việt Nam thực tế đã giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng

phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

Công ty TNHH MTV Tài chính P Việt Nam đã cho bà Lê Thị Thu T vay số tiền 17.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 3.08%/tháng, lãi phạt bằng 150% của lãi suất. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù đã được thông báo, đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà Lê Thị Thu T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, số nợ gốc là 5.507.057 đồng.

Như vậy, bà Lê Thị Thu T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 4 của Phiếu Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng, nên phía Công ty yêu cầu thu hồi nợ là đúng theo quy định của hợp đồng mà 02 bên đã ký kết. Căn cứ thỏa thuận giữa hai bên và quy định tại các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Công ty TNHH M yêu cầu bà Lê Thị Thu T trả số tiền nợ gốc là 5.507.057 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4.2]. Về nợ lãi phải trả: Căn cứ khoản 2, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Căn cứ Điều 4 của Phiếu Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty TNHH MTV Tài chính P Việt Nam và bà Lê Thị Thu T; Căn cứ khoản 2, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận về lãi của các bên phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi của phía Công ty. Cụ thể tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/7/2025 nợ lãi trong hạn: 1.526.556 đồng, nợ lãi quá hạn: 26.954.385 đồng.

[4.3]. Về khoản tiền lãi kể từ sau ngày tòa xét xử sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên kể từ ngày 10/7/2025 bà Lê Thị Thu T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 18/01/2012 cho đến khi trả xong nợ cho Công ty TNHH M.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí phải chịu là 1.699.400 đồng.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6; điểm b khoản 1, Điều 24; khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M

Buộc bà Lê Thị Thu T phải trả cho Công ty TNHH M số tiền nợ gốc và lãi vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/7/2025 tổng cộng là 33.987.998 đồng; trong đó nợ gốc là 5.507.057 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.526.556 đồng, nợ lãi quá hạn: 26.954.385 đồng theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ngày 18/01/2012. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Lê Thị Thu T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng từ ngày 10/7/2025 cho đến khi trả xong nợ cho Công ty TNHH M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.699.400 đồng.

Công ty TNHH M được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 739.954 đồng theo biên lai thu số 0014896 ngày 28/10/2024 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh (Chi cục Thi hành án dân sự quận G cũ).

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực X, TP.HCM (quận G cũ);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh (Chi cục Thi hành án dân sự quận G cũ);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Đ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

